

# Mạng ngữ nghĩa trong việc giảng dạy triết học Mác - Lênin

Nguyễn Anh Tuấn<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Nhu<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: nguyentuan1962@yahoo.com.vn

<sup>2</sup> Học viện Quản lý giáo dục.

Email: nguyenyennhu84@gmail.com

Nhận ngày 1 tháng 12 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 3 tháng 1 năm 2019.

**Tóm tắt:** Thực trạng dạy và học triết học ở các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều điểm hạn chế, chưa tạo được hứng thú cho sinh viên, cũng như chưa đạt được mục đích của việc học tập. Một trong những giải pháp được kỳ vọng để giải quyết hiệu quả vấn đề trên là xây dựng hệ thống mạng ngữ nghĩa diễn giải các khái niệm của triết học. Hệ thống mạng ngữ nghĩa này hướng đến hai mục tiêu: thứ nhất, nhằm làm cho những kiến thức trừu tượng của triết học trở nên cụ thể, trực quan và dễ nắm bắt hơn; thứ hai, nhằm làm cho các khái niệm của triết học được lý giải sâu sắc, trung thực hơn<sup>3</sup>.

**Từ khóa:** Mạng ngữ nghĩa, triết học, Mác-Lênin.

**Phân loại ngành:** Triết học

**Abstract:** The current status of teaching and studying philosophy at universities and colleges in Vietnam is still facing limitations, having not yet created interests for students, nor achieving the purpose of studying philosophy. One of the expected solutions to effectively solve the problem is to build a semantic network that interprets the concepts of philosophy. This semantic network aims at two goals: first, to make the abstract knowledge of philosophy more concrete, visual and easier to grasp; secondly, to make the concepts of philosophy more profoundly and truthfully explained.

**Keywords:** Semantic network, philosophy, Marxism-Leninism.

**Subject classification:** Philosophy

## 1. Mở đầu

Ở Việt Nam, triết học là kiến thức bắt buộc trong chương trình của các trường đại học.

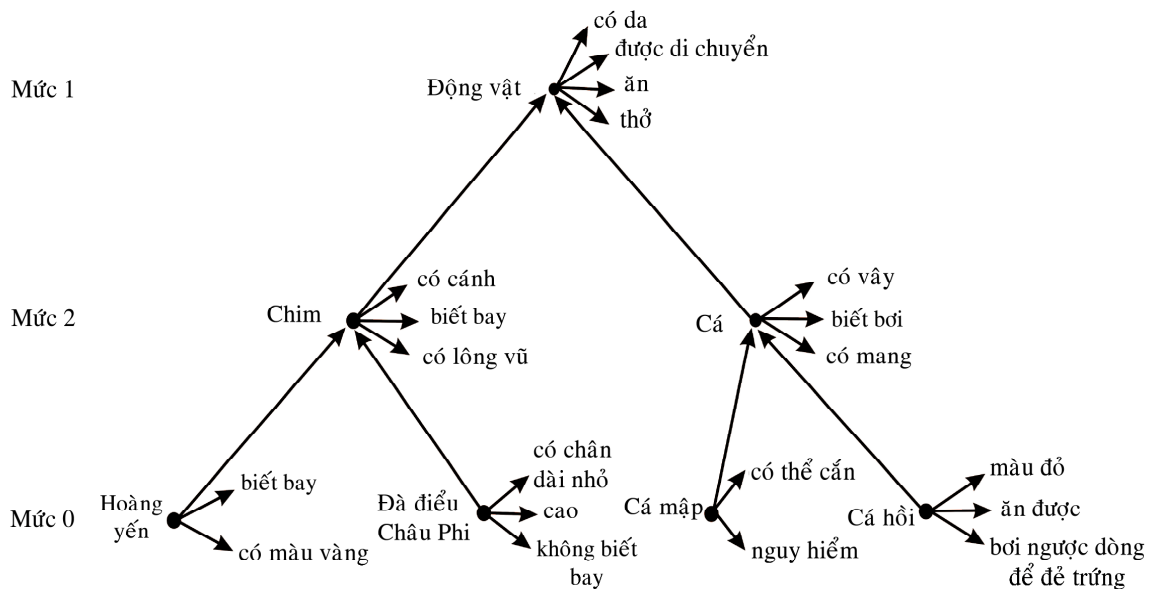
Triết học được giảng dạy là triết học Mác - Lênin, và là một phần trong môn “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin”. Thực trạng dạy học triết học Mác -

Lênin tại các trường đại học hiện nay, đặc biệt là ở khối không chuyên ngành triết học, vẫn còn nhiều mặt hạn chế, chưa tạo được hứng thú cho sinh viên, cũng như chưa đạt mục đích của việc học tập. Dung lượng kiến thức của môn học này lớn và khó, nhưng thời lượng lên lớp hiện nay bị cắt giảm nhiều, sinh viên khó tiếp thu bài học một cách sâu sắc, điều đó dẫn đến chỗ sinh viên chán nản, giảm sút tinh thần học tập. Để khơi dậy niềm say mê của sinh viên đối với môn học và bù đắp những thiếu hụt nêu trên, rất cần phải có sự đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Một trong các giải pháp được kỳ vọng là sử dụng hệ thống mạng ngữ nghĩa về triết học Mác - Lênin. Tuy nhiên, hệ thống mạng như vậy vẫn chưa được xây dựng ở bất kỳ cơ sở đào tạo nào trong cả nước. Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi phân tích đặc điểm nổi bật của hệ thống mạng ngữ nghĩa và vai trò của mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin

đối với việc học tập của sinh viên Việt Nam hiện nay.

## 2. Mạng ngữ nghĩa

Mạng ngữ nghĩa là một trong các phương pháp biểu diễn tri thức. Thuật ngữ mạng ngữ nghĩa (semantic network) và mô hình dữ liệu ngữ nghĩa (semantic data model) được sử dụng để mô tả các dạng đặc biệt của mô hình dữ liệu. Mạng ngữ nghĩa được đặc tả bởi các mạng lưới, hay là biểu diễn tri thức dưới dạng đồ thị có hướng. Trong đó, các điểm nút biểu diễn các khái niệm về thế giới khách quan; các đoạn thẳng nối các điểm nút là quan hệ giữa các khái niệm đó; mỗi khái niệm trong mạng ngữ nghĩa được mô tả bằng những thuộc tính và những quan hệ giữa nó với các khái niệm khác. Hình 1 dưới đây là sơ đồ của một mạng ngữ nghĩa.



Hình 1. Sơ đồ về mạng ngữ nghĩa

Trong mạng ngữ nghĩa trên, các nút biểu diễn các khái niệm (về hành động hoặc đối tượng); các liên kết biểu diễn hướng và mối quan hệ giữa các nút. Một nút có thể có một số siêu lớp chứa nó. Lớp này thừa kế các thuộc tính của lớp cha và các lớp trên đó.

Mạng ngữ nghĩa là công cụ rất hiệu quả cho việc trình diễn các khái niệm về học thuật, cũng như cho việc nghiên cứu các khái niệm của các ngành khoa học khác nhau. Mạng ngữ nghĩa cho phép kết nối các khái niệm tương đương, gần gũi, trực quan hóa bằng cách hiển thị dạng sơ đồ, dạng danh sách, và các kết nối trực tuyến.

Với khả năng biểu diễn tri thức mạnh mẽ và khả năng biểu diễn trực quan, mạng ngữ nghĩa đã được triển khai nhiều trong thực tế và đã hình thành các hệ thống tra cứu, tìm kiếm, hiển thị các khái niệm, thuật ngữ của các lĩnh vực khác nhau.

Để hình thành hệ thống mạng ngữ nghĩa, các nhà khoa học đã sử dụng các công cụ công nghệ thông tin (CNTT) để tạo ra các sản phẩm phần mềm cho phép đưa vào, cập nhật, xử lý, hiển thị, lưu trữ và chia sẻ các mạng ngữ nghĩa.

Về mặt công cụ và hệ thống phần mềm mạng ngữ nghĩa, web ngữ nghĩa, có khá nhiều công cụ, nền tảng, môi trường, hệ thống mở cho phép phát triển mở rộng mạng lưới các khái niệm theo phương pháp luận của mạng ngữ nghĩa, như Wikipedia theo công nghệ wiki, WorldNet, WorldCat, các phần mềm theo chuẩn SKOS... Tuy nhiên, chưa có một phần mềm cho phép dễ dàng xây dựng mạng ngữ nghĩa về một ngành, một lĩnh vực. Ví dụ, chưa có một phần mềm mạng ngữ nghĩa triết học Mác-Lênin tại Việt Nam, kể cả ít nhất là Việt hóa. Nếu có một phần mềm mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin dưới dạng Việt hóa, thì người sử dụng sẽ xây dựng hệ

thống từ vựng, khái niệm theo kiểu mạng ngữ nghĩa, từ đó cộng đồng có thể tra cứu, tìm kiếm cũng như tham gia mở rộng các mạng ngữ nghĩa chuyên ngành khác.

Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng hệ thống phần mềm bao gồm công cụ soạn thảo hệ thống từ vựng và khái niệm theo mô hình mạng ngữ nghĩa về triết học Mác - Lênin. Hệ thống này còn có khả năng ứng dụng cho việc xây dựng các hệ thống mạng ngữ nghĩa cho các ngành khoa học xã hội khác nhau. Quản trị cơ sở dữ liệu các nội dung dạng ngữ nghĩa và phần mềm cho phép khai thác hệ thống mạng ngữ nghĩa với các tính năng tra cứu, tìm kiếm, hiển thị trực quan.

Bộ công cụ phần mềm biểu diễn mạng ngữ nghĩa các thuật ngữ triết học Mác - Lênin cần xây dựng phải có các tính năng sau. Một là, nó cần cho phép biểu diễn các khái niệm, quan hệ giữa các khái niệm triết học Mác-Lênin và lưu trữ thành hệ thống cơ sở dữ liệu CSDL ngữ nghĩa. Hai là, nó cho phép tra cứu, tìm kiếm các khái niệm, tư liệu về triết học Mác - Lênin theo sơ đồ mạng ngữ nghĩa với các nút liên quan về khái niệm và tư liệu, tài nguyên nhằm phục vụ giảng dạy và nghiên cứu. Ba là, nó cho phép phát triển, cập nhật vào hệ thống các khái niệm, tri thức và quan hệ mới. Hệ thống phần mềm đó bao gồm 3 thành phần là: - phần mềm quản trị nội dung mạng ngữ nghĩa; - mô đun (phần mềm) trình diễn mạng ngữ nghĩa; - công phần mềm mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin.

Mô đun phần mềm quản trị nội dung mạng ngữ nghĩa là công cụ quản trị cơ sở dữ liệu với nội dung ngữ nghĩa, sử dụng tiêu chuẩn RDF. Các sơ đồ RDF (RDFS) là cơ sở cho việc nhập các nội dung ngữ nghĩa thành cơ sở dữ liệu với cấu trúc theo dạng bộ ba triple gồm Subject, Predicate, Object. Tại đây, Subject và Object là các khái niệm,

từ vựng, được kết nối bằng quan hệ Predicate. Mô đun này cho phép quản trị (CSDL) ngữ nghĩa theo cấu trúc RFDS, theo phương thức tiêu chuẩn CRUD. Chẳng hạn, nó cho phép: tạo (create); đọc (read); cập nhật (update); xóa (delete) đối với các dữ liệu dạng RDF; tạo các liên kết giữa các từ vựng/khái niệm theo tập quan hệ; truy vấn các liên kết từ vựng/khái niệm theo mỗi quan hệ; thay đổi, sửa các dữ liệu RDF (đó là các từ vựng/khái niệm và các quan hệ liên kết); xóa các dữ liệu RDF. Truy vấn ngữ nghĩa cho phép truy vấn và phân tích có tính liên kết và theo ngữ cảnh. Truy vấn ngữ nghĩa cho phép trích xuất thông tin có nguồn gốc rõ ràng và ngầm định dựa trên các thông tin cú pháp, ngữ nghĩa và cấu trúc chứa trong dữ liệu. Chúng được thiết kế để cung cấp kết quả chính xác (có thể là lựa chọn đặc biệt của một thông tin duy nhất) hoặc để trả lời các câu hỏi mở rộng hơn và mờ hơn thông qua kết hợp so sánh mẫu và suy luận số. Các truy vấn ngữ nghĩa làm việc trên các đồ thị tên, dữ liệu liên kết hoặc các bộ triple RDF. Điều này cho phép truy vấn để xử lý các mối quan hệ thực tế giữa các thông tin và suy luận ra các câu trả lời từ mạng dữ liệu. Về mặt kỹ thuật, truy vấn ngữ nghĩa là các hoạt động quan hệ chính xác giống như truy vấn cơ sở dữ liệu, làm việc trên dữ liệu có cấu trúc; và do đó, có khả năng sử dụng các tính năng toàn diện như các toán tử (ví dụ: >, = và <), không gian tên, đối sánh mẫu, phân lớp, quan hệ chuyển đổi, các quy tắc ngữ nghĩa và tìm kiếm toàn văn theo ngữ cảnh. Chức năng truy vấn CSDL ngữ nghĩa SPARSQL cho phép trích xuất từ cơ sở dữ liệu ra các dữ liệu dạng RDF (bao gồm các bộ ba Subject-Predicate-Object, bộ ba này thể hiện các khái niệm/từ vựng liên quan theo các quan hệ từ 1 hoặc một số từ khóa). Ví

dụ, chúng ta lập 8 triples như sau. T1: hiện tượng - là tính chất của - vật chất - là - khái niệm vật lý. T2: vật chất - là - khái niệm triết học. T3: hiện tượng - là tính chất của - năng lượng - là - khái niệm vật lý. T4: hiện tượng - là tính chất của - không và thời gian - là khái niệm vật lý. T5: hiện tượng - là biểu hiện của - bản chất. T6: khúc xạ - là - hiện tượng. T7: hiện tượng - là phạm trù - thuộc vào - duy vật biện chứng. T8: bản chất - là phạm trù - thuộc vào - duy vật biện chứng. Khi truy vấn khái niệm “hiện tượng”, thì ta sẽ có các khái niệm liên quan về vật lý và triết học như trên. Khi truy vấn khái niệm “hiện tượng - là - khái niệm vật lý” thì ta sẽ có T1, T3, T4.

Mô đun trình diễn mạng ngữ ngữ nghĩa cho phép hiển thị các kết quả dựa trên tìm kiếm và truy vấn ngữ nghĩa bằng các nội dung và hình thức trực quan. Đó là: - danh sách các khái niệm cùng các mô tả khái niệm; - danh sách các khái niệm liên quan theo ngữ nghĩa từ truy vấn và tìm kiếm; - đồ thị các khái niệm và mối liên kết theo các quan hệ; - danh sách các tài liệu, tài liệu, đường link mô tả tài nguyên trên web liên quan tới khái niệm truy vấn và tìm kiếm. Mô đun này xử lý các kết quả từ lớp dưới là mô đun phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu ngữ nghĩa và cung cấp kết quả tới lớp trên là mô đun công (thông tin) mạng ngữ nghĩa.

Mô đun công mạng ngữ nghĩa là phần mềm theo công nghệ công (portal), dựa vào nền tảng mã mở Drupal, cung cấp điểm truy cập, khai thác thông tin từ mạng ngữ nghĩa đối với người sử dụng. Công này cung cấp các tính năng quản trị người sử dụng, quản trị nội dung, cung cấp các kết nối (liên kết) tới các mạng ngữ nghĩa khác nhau như Wikipedia, Worldnet... Trên thực tế, các mô đun phần mềm được xây dựng bằng các công nghệ mã nguồn mở, được lập trình

tích hợp thành một hệ thống thống nhất sử dụng các dịch vụ web (web services), được lập trình như các ứng dụng dạng web, được lưu trữ trên môi trường web.

### **3. Vai trò của mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin đối với việc học tập của sinh viên**

*Thứ nhất*, mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin góp phần làm cho những kiến thức trừu tượng của triết học Mác - Lênin trở nên cụ thể, trực quan và dễ tiếp cận hơn. Khi các trường đại học, cao đẳng đã chuyển hẳn sang hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ, thì việc tự học, tự nghiên cứu trở thành yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên. Tuy nhiên, do học phần triết học Mác - Lênin chứa nhiều nội dung lý thuyết và mang tính trừu tượng hóa, khái quát hóa cao, nên việc tự học, tự nghiên cứu là khá khó khăn. Cho dù áp dụng các hình thức dạy học hiện đại với phương châm “lấy người học làm trung tâm”, thì bản thân sinh viên cũng chưa thể tự mình trở thành trung tâm của quá trình nắm bắt kiến thức, điều đó dẫn đến giảm sút tinh thần học tập.

Để cho hoạt động học tập của sinh viên trở nên tích cực, rất cần có sự đổi mới, sáng tạo của giảng viên trong quá trình giảng dạy. Cụ thể, cần làm cho những kiến thức trừu tượng đó trở nên cụ thể, trực quan, dễ nắm bắt hơn, sau đó, cần lôi kéo sinh viên chủ động tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài học của mình. Trên thực tế ở Việt Nam hiện nay, nhiều giảng viên đã tìm cách sơ đồ hóa các nội dung kiến thức nhằm chỉ ra lôgic của các vấn đề đang triển khai, nhưng họ mới làm công việc đó một cách thủ công. Phương pháp thủ công này có một số hạn chế. Nó có thể được áp dụng đối với

từng phần kiến thức nhỏ lẻ nhưng sẽ khó khả thi nếu áp dụng đối với tổng thể kiến thức của môn học. Sự tiếp nhận kiến thức của sinh viên vẫn không thể tránh khỏi bị rời rạc. Những sơ đồ kiến thức ấy cũng khó cho ta thấy được quan hệ nhiều chiều giữa các nội dung. Vì vậy, nó chưa phát huy hiệu quả khả năng suy luận của người học.

Để khắc phục những hạn chế trên, chúng ta nên xây dựng mạng ngữ nghĩa cho học phần triết học Mác - Lênin. Với những nét khái lược về mạng ngữ nghĩa mà chúng tôi đã trình bày ở trên, có thể thấy, mạng ngữ nghĩa có rất nhiều ưu điểm: Nó mang đến cách tiếp cận giống với cách con người ghi nhận và truy xuất thông tin, vì vậy mà người học sẽ có thể tiếp cận kiến thức một cách tự nhiên, dễ dàng hơn. Nó mang tính trực quan cao, dễ hiểu với người học. Mạng ngữ nghĩa rất linh động (vì sinh động nên người sử dụng có thể thêm vào đó các nút điểm và các đường thể hiện quan hệ để bổ sung các tri thức cần thiết; và như vậy là, khi sử dụng mạng ngữ nghĩa, bản thân người học cũng có thể thể hiện vai trò chủ động của mình trong việc nắm bắt, thiết kế, bổ sung các kiến thức mới). Mỗi liên kết giữa các nút điểm trong mạng ngữ nghĩa rất đa dạng (vì thế nó sẽ cho người học thấy được mối quan hệ nhiều chiều giữa các khái niệm được biểu diễn; qua đó, người học có được cái nhìn toàn diện hơn về tri thức mà mình đang tiếp cận).

Như vậy, việc xây dựng mạng ngữ nghĩa cho học phần triết học Mác - Lênin sẽ dẫn đến sự thay đổi trong cách trình bày, tương tác đối với kiến thức thuộc học phần này, qua đó làm cho người học hứng thú, chủ động hơn trong việc tiếp nhận kiến thức, nâng cao hiệu quả của việc học tập, nghiên cứu triết học và nhiều ngành khoa học khác có liên quan.

*Thứ hai*, mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin góp phần lý giải sâu sắc và trung thực hơn các thuật ngữ của triết học Mác - Lênin. Ở Việt Nam hiện nay, thời lượng lên lớp của học phần triết học Mác - Lênin nói riêng, các học phần về lý luận chính trị nói chung, bị cắt giảm nhiều. Đối với môn “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” (mà trong đó bao gồm học phần triết học Mác - Lênin), thì thời lượng bị cắt giảm đến hơn 50% so với trước đây. Điều đó khiến cho việc giảng dạy của giảng viên trên lớp cũng không thể đi vào chi tiết, cụ thể hóa. Đó cũng là lý do khiến cho sinh viên khó nắm bắt nội dung bài giảng. Giáo trình “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” là sự tích hợp của ba học phần riêng biệt trước đó (triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học). Chính vì vậy, nhiều nội dung không chỉ của học phần triết học mà cả hai học phần còn lại đã bị cô đọng lại nhiều. Ví dụ, trong cuốn sách giáo trình này, toàn bộ những nội dung liên quan đến phân lịch sử triết học, lịch sử các học thuyết kinh tế, lịch sử tư tưởng và các học thuyết về chủ nghĩa xã hội và nhiều nội dung khác không còn. Chúng ta không thể nghiên cứu triết học một khi không biết gì về lịch sử triết học. Điều đó còn đúng bởi lẽ, ý nghĩa của các vấn đề triết học đã luôn mang tính lịch sử rồi. Trong lịch sử triết học, có rất nhiều quan niệm mà vào thời điểm xuất hiện chúng, cũng như ở các thời điểm tiếp theo, chưa được hiểu như hiện nay. Và ngay ở thời điểm hiện nay, những quan điểm đó vẫn cần phải được làm rõ và phát triển trong bối cảnh của những vấn đề đang được đặt ra đối với triết học hiện đại. Cho nên, để tìm hiểu các tư tưởng triết học, không thể tách chúng ra khỏi lịch sử của bản thân chúng.

Bên cạnh đó, khi trình bày về các khái niệm, phạm trù của triết học Mác - Lênin, ta cũng cần phải bổ sung thêm nhiều kiến thức về triết học trong khoa học tự nhiên. Bởi vì, những vấn đề triết học trong khoa học tự nhiên là vốn kiến thức cơ bản của triết học Mác - Lênin. Việc hình thành các nguyên lý, quy luật của triết học là kết quả của sự khái quát các thành tựu khoa học về tự nhiên, về xã hội và về tư duy, trong đó các thành tựu của khoa học tự nhiên là cực kỳ quan trọng. Trong lịch sử, các trào lưu triết học, đặc biệt là chủ nghĩa duy vật, gắn bó một cách rất chặt chẽ với khoa học tự nhiên. Nhưng trong các sách giáo trình triết học cũng như giáo trình “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” được sử dụng trong các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam hiện nay, ta không thấy có những tri thức đó. Những kiến thức về triết học trong khoa học tự nhiên mới chỉ thấy được dạy cho sinh viên chuyên ngành triết học với một thời lượng ít ỏi. Nếu không bổ sung những nội dung kiến thức đa dạng phong phú như thế, thì sinh viên, đặc biệt là sinh viên hệ không chuyên, sẽ càng gặp khó khăn trong việc tiếp cận kiến thức triết học.

Mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin sẽ bổ sung thêm những kiến thức như vậy. Hệ thống mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin không phải là một hệ thống độc lập, mà là hệ thống lồng ghép trong việc trình bày, lý giải từng khái niệm, phạm trù của triết học Mác - Lênin. Chẳng hạn, khi đọc giáo trình hiện nay, sinh viên gần như chỉ thấy có một định nghĩa vô cùng ngắn gọn về một khái niệm nào đó của triết học Mác - Lênin và không có bất cứ sự so sánh nào với các trào lưu triết học khác (để thấy sự ưu việt trong quan điểm của triết học Mác - Lênin). Muốn hiểu thêm về điều đó, sinh viên lại

phải lục tìm trong kho tài liệu tham khảo khổng lồ được cung cấp mà đôi khi họ sẽ không biết phải bắt đầu đọc từ tài liệu nào, chỗ nào của tài liệu. Thay vì điều đó, với mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin, chỉ với một vài cú nhấp chuột, tất cả những kiến thức liên quan đến khái niệm mà sinh viên cần tìm hiểu đều hiện ra. Những tri thức đó đã được tổng hợp, chắt lọc từ chính kho tài liệu tham khảo khổng lồ mà sinh viên lúng túng không biết cách xử lý. Cho nên, từ một khái niệm gốc trong triết học Mác - Lênin, ta sẽ mở rộng ra rất nhiều các cung khác để thể hiện mối liên hệ giữa khái niệm đó với các nội dung tri thức liên quan tới nó. Và ở các cung mở rộng này, các tư tưởng, tri thức bổ sung đều được chỉ rõ nguồn gốc một cách trung thực, tên tài liệu tham khảo đã sử dụng cũng được cung cấp tại đây. Như vậy, việc tìm hiểu các tri thức triết học Mác - Lênin đối với sinh viên sẽ trở nên dễ dàng, tiện lợi và hiệu quả hơn, do đó sẽ tạo hứng thú đối với người học.

Một bất cập nữa của sách giáo trình hiện nay là việc một số nội dung trong cuốn sách giáo trình “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” có nhiều kiến thức chưa chính xác (so với quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin). Giáo trình “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” phải là một giáo trình chuẩn về nội dung kiến thức (đích thực là những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin), các những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin phải được trình bày một cách hệ thống, rõ ràng và dễ hiểu. Thế nhưng, với những sai lệch chứa đựng trong cuốn sách giáo trình “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” nói chung, học phần triết học Mác - Lênin nói riêng, thì sinh viên có thể sẽ hiểu sai những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ đó có sự

hoài nghi về chủ nghĩa Mác - Lênin. Hơn nữa, hiện nay, những thông tin về các loại tư tưởng khác mà sinh viên có thể được tiếp cận hàng ngày lại hết sức đa dạng, nhiều chiều và phức tạp. Điều đó càng làm cho hiện tượng chệch hướng chủ nghĩa Mác - Lênin dễ dàng xảy ra trong giới trẻ hiện nay hơn.

#### 4. Kết luận

Ưu điểm nổi bật của hệ thống mạng ngữ nghĩa là tính linh động. Nhờ đó, nó cho phép người sử dụng tóm tắt cũng như mở rộng nội dung kiến thức. Ở mạng ngữ nghĩa, mỗi điểm nút là một khái niệm, các cung thể hiện quan hệ nhiều chiều của khái niệm ấy với các khái niệm khác. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy học triết học Mác - Lênin, ta cần xây dựng mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin. Trong mạng ngữ nghĩa triết học Mác - Lênin, có hệ thống những tri thức căn bản nhất về các khái niệm của triết học Mác - Lênin, có những kiến thức căn bản, cung cấp cho người học những tri thức phong phú và đáng tin cậy mà những bài giảng trên lớp của giảng viên không thể truyền tải hết được. Mạng đó khắc phục tình trạng sinh viên tìm kiếm những tri thức trôi nổi trên mạng internet mà không biết đến độ tin cậy của các thông tin ấy. Mạng đó có vai trò định hướng cho sinh viên tìm hiểu, mở rộng kiến thức, thay vì hoang mang không biết bắt đầu từ đâu trước khối lượng đầu sách tham khảo khổng lồ. Mạng đó còn có thể thay thế luôn việc sinh viên phải trực tiếp tìm đọc những đầu sách ấy vì rất nhiều những tri thức chứa đựng trong các sách này đã được chọn lọc và tích hợp trong mạng ngữ nghĩa. Chính vì thế, việc xây dựng hệ thống mạng ngữ

nghĩa triết học Mác - Lênin là đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam hiện nay.

### Chú thích

<sup>3</sup> Nghiên cứu này được sự tài trợ của Đại học Quốc gia Hà Nội theo đề tài mã số QG.18.46.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Basili, Roberto, Maria Teresa Pazienza và Paola Velardi (1993), "Acquisition of Selectional Patterns from Sublanguages", *Machine Translation*, No.8.
- [2] Basili, Roberto, Maria Teresa Pazienza và Paola Velardi (1996), "An Empirical Symbolic Approach to Natural Language Processing", *Artificial Intelligence*, No.85, pp.59-99.
- [3] Berners-Lee, Tim, James Hendler và Ora Lassila (2001), "The Semantic Web", *Scientific American*.
- [4] Brachman, Ronald J. (1979), "On the Epistemological Status of Semantic Networks", *Findler*, No.3, p.50.
- [5] Carl Seeling (1954), *Albert Einstein: Ideas and Opinions*, Bozana Books, New York.
- [6] Catherine Havasi, Robert Speer và Jason Alonso (2007), "ConceptNet 3: a Flexible, Multilingual Semantic Network for Common Sense Knowledge", *Recent Advances in Natural Language Processing*, Borovets, Bulgaria, September, pp.27-29.
- [7] Ceccato, Silvio (1961), *Linguistic Analysis and Programming for Mechanical Translation*, Gordon and Breach, New York.
- [8] Lendaris, George G. (1988a), "Neural Networks, Potential Assistants to Knowledge Engineers", *Heuristics*, No.1, p.2.
- [9] Lendaris, George G. (1988b), "Conceptual Graph Knowledge Systems as Problem Context for Neural Networks", *Proc. ICNN-88*, San Diego.
- [10] Maida, Anthony S., & Stuart C. Shapiro (1982), "Intensional Concepts in Propositional Semantic Networks", *Cognitive Science*, No.6, pp.4, 291-330.
- [11] Mark Alfano (2017), *A Semantic-network Approach to the History of Philosophy*, Or, What does Nietzsche talk about when he talks about emotion? <http://www.alfanophilosophy.com/blog/2017/7/25/a-semantic-network-approach-to-the-history-of-philosophy-or-what-does-nietzsche-talk-about-when-he-talks-about-emotion>, truy cập ngày 28/7/2018.
- [12] Masterman, Margaret (1961), "Semantic Message Detection for Machine Translation, Using an Interlingua", *NPL*, pp.438-475.
- [13] Roger Jones (2005), *Philosophy og Science*, <http://www.philosopher.org.uk/sci.htm> truy cập ngày 20/01/2013.
- [14] T.Z.Lavin (1989), *From Socrates to Sartre: A philosophic Quest*, Bantam Books, New York.